



Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và nội dung đường lối đổi mới của Đảng - Những thành tựu và hạn chế của công cuộc đổi mới 1986-1991

hàm mật độ xác suất-xác suất thống kê (Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà
Nội)

Tiểu luận

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và nội dung đường lối đổi mới của đảng. Những thành tựu và hạn chế của công cuộc đổi mới 1986-1991

Mục lục

	<i>Trang</i>
Phần mở đầu	2
1. Lí do chọn đề tài	2
2. Tình hình nghiên cứu vấn đề.	3
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.	4
4. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu.	4
5. ý nghĩa luận và thực tiễn của đề tài.	5
Phần nội dung:	5
A. Tình hình đất nước trước đổi mới (1975-1986)	5
B. Đại hội VI và đường lối đổi mới	6
I. Đại hội toàn quốc lần thứ VI.	6
1. Bối cảnh lịch sử.	6
a. Bối cảnh quốc tế.	6
b. Bối cảnh trong nước.	6
2. Diễn biến Đại hội.	7
3. Nội dung Đại hội.	7
4. ý nghĩa của Đại hội.	11
II. Đường lối đổi mới.	11
1. Nhiệm vụ và mục tiêu.	11
a. Nhiệm vụ	11
b. Mục tiêu.	12
2. Những giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu.	13
2.1. Đổi mới cơ cấu kinh tế.	13
2.2. Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế.	13
2.3. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.	18
2.4. Đổi mới chính sách xã hội.	19
2.5. Đổi mới chính sách đối ngoại.	19
2.6. Đổi mới cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ.	20
III. Đảng lãnh đạo tập chung giải quyết những vấn đề cấp bách, đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách giành thắng lợi bước đầu.(1986-1991).	21
1. Tập chung giải quyết những vấn đề cấp bách trên lĩnh vực phân phối lưu thông.	21
2. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lí trong nông nghiệp.	22
3. Đẩy mạnh thực hiện đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, từng bước phá thế bao vây cấm vận.	23
4. giữ vững sự ổn định về chính trị trước những biến động phức tạp	

của thời cuộc.	23
C.Những thành tựu và hạn chế của 5 năm đổi mới.	24
1. Những thành tựu.	24
2. Những hạn chế, yếu kém.	27
3. Những bài học kinh nghiệm.	27
Lời kết.	31
Tài liệu tham khảo	32

Phần mở đầu.

1.Lí do chọn đề tài.

Đất nước sau khi được thống nhất hai miền , bước ra khỏi chiến tranh đã gặp muôn ngàn khó khăn. Đảng và nhà nước đã quan tâm và đưa ra những biện pháp để khắc phục tình hình , từ Đại hội VI với đường lối đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng đã tạo ra bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam . Đây thật sự là Đại hội của những quyết sách lớn nhằm xoay chuyển tình hình và tạo ra một bước ngoặt cho sự phát triển của đất nước ta. Sau Đại hội VI Đảng ta đã chọn và tập chung chỉ đạo giải quyết thành công nhiều vấn đề nóng bỏng và cấp bách của đất nước: chống lạm phát, đổi mới công tác tư tưởng và công tác quần chúng trước sự khủng hoảng và sụp đổ của CNXH ở các nước Đông Âu và Liên Xô, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ... nhờ đó đổi mới ở Việt Nam mặc dù diễn ra trong bối cảnh hết sức phức tạp nhưng chúng ta vẫn giữ được sự ổn định về chính trị, kinh tế đạt được những thành tựu quan trọng.Đại hội VI- Đại hội mở đầu công cuộc đổi mới của Việt Nam, là cột mốc mở ra cục diện mới của nước ta trên con đường quá độ lên CNXH. Đất nước dần ổn định,phat triển và hội nhập quốc tế. Đạt được những thành tựu trong sự nghiệp xay dựng và phát triển đất nước như hiện nay là do đường lối lãnh đạo và quản lí của Đảng và nhà nước ta .Là một người dân đất Việt tôi rất tự hào về những gì đất nước đã đạt được và không khỏi băn khoăn về nguyên nhân làm nên điều kì diệu đó.Để làm sáng tỏ hơn về những băn khoăn đó và giúp bản thân có cái nhìn tổng quát về một giai đoạn lịch sử của dân tộc,là lí do em chọn đề tài :Đại hội VI, nội dung và đường lối đổi mới của Đảng, những thành tựu và hạn chế.

2.Tình hình nghiên cứu vấn đề.

Việc nghiên cứu Đại hội VI và những đổi mới của đất nước là vấn đề không chỉ có ý nghĩa lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH mà nó còn có ý nghĩa thực tế rất lớn.Vì vậy vấn đề được đề cập và nghiên cứu trong nhiều sách:Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam;Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập; Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng thời kì đổi mới; Đảng cộng sản Việt Nam, các Đại hội và hội nghị Trung ương; Đại cương lịch sử Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam với công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế...

Ngoài ra vấn đề còn được đề cập trong nhiều sách báo và các bài viết trên mạng internet...

3.Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu:

Nghiên cứu đề tài này nhằm phục vụ cho hiểu biết của bản thân trong việc học tập bộ môn thuộc chuyên ngành lịch sử Việt nam : Đường lối đổi mới, giai đoạn đầu của thời

kì đổi mới và những thành quả đạt được qua hơn 30 năm đất nước đổi mới để có cái nhìn khái quát và rõ hơn về tình hình đất nước trước và sau đổi mới, từ đó so sánh đối

chiếu thấy được những thành quả đã đạt được và thấy được đường lối đúng đắn của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển đất nước và hội nhập cùng quốc tế, làm mọi người tin tưởng vào đường lối của Đảng và cùng góp sức xây dựng và bảo vệ tổ quốc ngày càng vững mạnh và sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới.

4.Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu :

Đề tài được thực hiện dựa trên những quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và ĐCS Việt nam . Em kế thừa những thành tựu nghiên cứu của những nhà nghiên cứu đi trước về vấn đề này.

Đề tài đã sử dụng tổng hợp các nguyên tắc phương pháp luận của CNDV biện chứng và CNDV lịch sử và các phương pháp nghiên cứu cụ thể: phương pháp tổng hợp, phương pháp lịch sử- logic, hệ thống -cấu trúc, đối chiếu so sánh...

5.ý nghĩa luận và thực tiễn của đề tài:

- Góp phần vào việc đi sâu nghiên cứu những nội dung căn bản của Đại hội VI.
- Có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình học tập , nghiên cứu vấn đề, mở rộng hiểu biết về công cuộc đổi mới đất nước, con đường đi lên CNXH.

Phần nội dung

A.Tình hình đất nước trước đổi mới:

Sau khi đất nước thống nhất Đảng đã thực hiện đưa ra chủ trương và biện pháp nhằm khắc phục tình trạng đất nước sau chiến tranh.

Sau hai kế hoạch 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế theo mô hình cũ,nền kinh tế Việt nam rơi vào tình trạng khủng hoảng:

- Quan hệ sản xuất chưa phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- Kinh tế tăng trưởng thấp, neeus tính chung từ 1976 đến 1985, tổng sản phẩm xã hội tăng 50,5%, bình quân mỗi năm tăng 4,6%, thu nhập quốc dân tăng 3,7%/năm.

- Sản xuất trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Toàn bộ quỹ tích lũy (tuy rất nhỏ bé) và một phần tiêu dùng phải dựa vào nguồn nước ngoài.

Hàng năm nhà nước không những phải nhập các mặt hàng quan trọng cho sản xuất mà còn phải nhập hàng tiêu dùng, kể cả những loại hàng hoá lẽ ra sản xuất trong nước có thể đáp ứng được như gạo và vải mặc. Từ 1976-1985, nhà nước đã nhập 60 triệu mét vải các loại và gần 1,5 triệu tấn lương thực quy thóc.

- Lạm phát diễn ra ở mức trầm trọng. Trong kế hoạch 1976-1980, lạm phát đã gây tác động xấu đến đời sống kinh tế - xã hội. Chính phủ đã có nhiều biện pháp kiềm chế tốc độ lạm phát nhưng không có hiệu quả. Năm 1985, cải cách giá, lương tiền không thành công đã làm cho tốc độ lạm phát tăng vọt. Lạm phát trở thành siêu lạm phát mà đỉnh cao của nó là năm 1986 với tốc độ tăng giá trong năm lên tới 774,4%.
- Đời sống của nhân dân, nhất là của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn. Hiện tượng tiêu cực trong xã hội ngày càng nhiều. Công bằng xã hội bị vi phạm, pháp luật kỉ cương không nghiêm. Quần chúng giảm lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước.

Nhìn chung trong kế hoạch 5 năm 1981-1985, mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế - xã hội ổn định đời sống của nhân dân chưa thực hiện được.

B.Đại hội VI và đường lối đổi mới

I.Đại hội toàn quốc lần VI

1.Hoàn cảnh lịch sử

a.Quốc tế

lúc này cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc, đấu tranh giữa CNXH và CNTB vẫn diễn ra gay gắt, quyết liệt song dưới nhiều hình thức mới. Hệ thống XHCN lâm vào khủng hoảng, nhất là sự hạn chế của cơ chế kế hoạch hoá tập trung trong quản lí kinh tế. Các nước XHCN đều nhận thấy mô hình quản lí đó thiếu tính năng động, song cách thức khắc phục ở mỗi nước không giống nhau. Liên Xô phát động công cuộc cải tổ, Trung Quốc thực hiện cải cách song kết quả chưa nhiều, gây nên sự xáo động lớn trong hệ thống XHCN.

b.Trong nước:

Nước ta vừa thoát khỏi chiến tranh xâm lược nền kinh tế còn lạc hậu, bị tàn phá nặng nề. Sau 10 năm (1975-1985) nước ta đi lên theo mô hình kế hoạch hoá tập

trung quan liêu bao cấp, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế xã hội ngày càng trầm trọng, dù đảng nhà nước nhân dân ta đã hết sức cố gắng. Tuy nhiên qua 10 năm đó đảng ta đã từng bước tiếp cận được với tư duy mới về CNXH và con đường đi lên CNXH trong thời kỳ quá độ, tức tiếp cận với đường lối đổi mới. Trong thời kỳ tìm tòi, thử nghiệm đã diễn ra nhiều cuộc họp bàn, thảo luận, tranh luận khá sôi nổi trong bộ chính trị, trong trung ương và toàn đảng, trong các cơ quan nhà nước, trong giới khoa học lý luận cũng như trong quần chúng nhân dân với nhiều ý kiến phong phú, đa dạng về nhiều vấn đề quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị và các mặt khác của đất nước để tạo cơ sở cho việc đổi mới nhận thức về CNXH công cuộc đã diễn ra từ cuối 1985-1986 khi việc chuẩn bị cho đại hội đảng VI đã được đặt ra.

Lúc này có hai khuynh hướng đổi mới đan xen, đấu tranh nhau:

- Đổi mới theo tư duy cũ: đẩy mạnh cơ chế tập chung quan liêu, kế hoạch hoá cứng nhắc là đẩy mạnh tập thể hoá, CNH với tốc độ, quy mô lớn, phổ biến.
- Đổi mới theo tư duy mới, hướng tới mô hình mới: bung ra trong sản xuất, kết hợp ba lợi ích, cho tự chủ sản xuất, kinh doanh của Hội nghị trung ương VI(8/1979). Và bước đột phá từ chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và hộ xã viên trong HTX Nhà nước của chỉ thị 100 của ban bí thư trung ương 1980, chỉ thị 25-CP trong công nghiệp 1981. Rồi nghị quyết trung ương 8(6/1985) rất khoát xoá bỏ quan liêu bao cấp chuyển hẳn sang cơ chế hoạch toán kinh doanh XHCN.

Cuối cùng là tư tưởng chủ trương nhìn thẳng vào sự thật của Bộ chính trị cuối 1986: thể hiện là nêu lên các ý kiến khác nhau để Đại hội VI xem xét, biểu quyết. Thực chất đây là bước hoàn thành chủ trương, đường lối đất nước sẽ được chính thức hoá tại Đại hội VI sau đó. Cụ thể đã tìm ra các loại ý kiến, tư tưởng, nhận thức tư duy khác nhau về các vấn đề mô hình và con đường đi lên CNXH Việt nam.

Đại hội họp công khai tại Hà Nội từ 15-18/12/1986, có 1129 đại biểu, thay mặt cho gần 1,9 triệu đảng viên, có 35 đoàn đại biểu quốc tế đến dự.

2. Diễn biến của Đại hội

Mở đầu Đại hội, đồng chí Nguyễn văn Linh uỷ viên Bộ chính trị ban chấp hành trung ương Đảng khoa V đọc diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, khẳng định Đại hội VI phải có sự đổi mới của Đảng ta về tư duy, phong cách, tổ chức cán bộ, đó là đổi mới bước thiết của đất nước. Chỉ có đổi mới thì

mới thấy đúng, thấy hết được sự thật, thấy những nhân tố mới để phát huy, những sai lầm để sửa chữa.

Tiếp đó Đại hội thông qua báo cáo của ban chấp hành trung ương ĐCS Việt nam do đồng chí Trường Chinh tổng bí thư ban chấp hành trung ương Đảng, chủ tịch hội đồng nhà nước trình bày, nêu rõ tình hình nhiệm vụ, những phương hướng, mục tiêu chủ yếu để phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn mới.

Đại hội thông qua báo cáo Ban chấp hành trung ương Đảng do đồng chí Võ Văn Kiệt uỷ viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, phó chủ tịch hội đồng Bộ trưởng trình bày, nêu lên phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội trong 5 năm 1986-1990.

Đại hội thông qua một số nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc về phương hướng, mục tiêu trong giai đoạn mới.

Đại hội còn tuyên dương công trạng to lớn vì Đảng vì dân của các đồng chí Trường Chinh, Phạm văn Đồng, Lê Đức Thọ.

3. Nội dung Đại hội :

Nội dung cơ bản của Đại hội là đánh giá đúng thực trạng tình hình hiện nay của cách mạng Việt nam trên tất cả các mặt thành tựu, tồn tại yếu kém, sai lầm, khuyết điểm và các nguyên nhân sâu xa của nó. Từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm và hoạch định đường lối đổi mới công tác của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học.

Đại hội đã tích cực chuẩn bị từ 1984 qua nhiều cấp nhiều vòng.

Nội dung Đại hội có những vấn đề sau :

a.Đánh giá tình hình:

Trong việc đánh giá tình hình 10 năm xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước, một luận điểm quan trọng đã được nêu lên từ Đại hội: “ phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”- sự thật về thành tựu cũng như về khủng hoảng, tổn thất, sự thật về ưu điểm cũng như về khuyết tật và sai lầm. Tuy nhiên việc tổng kết không phải để cân đối hai mặt như ta vẫn thường làm trước kia. Sự thật của 10 năm cả nước đi vào thời kì quá độ với sự xa sút khủng hoảng về kinh tế xã hội bắt buộc chúng ta phải thay đổi cách nghĩ cách nhìn cho phù hợp với thực trạng đất nước. Vì vậy Đại hội nhấn mạnh phải thấy cho hết mặt trái của tình hình, thấy được hết khuyết

điểm sai lầm trước hết là sai lầm trong sự lãnh đạo của Đảng, tìm ra những nguyên nhân trước hết là nguyên nhân chủ quan để rút ra bài học kinh nghiệm

bổ ích: phải”giám thừa nhận và thay đổi những quyết định sai lầm”. Thaeo tinh thần đó, Đại hội thừa nhận Đảng ta đã có “những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”. “Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng.Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân”.

b. Về nguyên nhân của những sai lầm:

Về tư tưởng có hai loại tư tưởng đã đưa đến những sai lầm : Một là , chủ quan duy ý chí trong việc xác định đườnglối , mục tiêu kinh tế-xã hội , về bước đi trong cải tạo XHCN, về xây dựng cơ sở vật chất, về bố trí cơ cấu đầu tư, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan mà không đánh giá đúng tình hình, đánh giá đúng những thuận lợi và khó khăn khi mở rộng Cách mạng XHCN trên phạm vi cả nước, mới ở chặng đường đầu đã muốn thực hiện nhiều mục tiêu cao của CNXH, trong chỉ đạo có khuynh hướng thả nổi, buông trôi, trong thực hiện lại không nghiêm chỉnh chấp hành đường lối và nguyên tắc của Đảng.

Hai là giáo điều rập khuôn,bảo thủ trì trệ trong nhận thức về CNXH,trong việc áp dụng mô hình CNXH,lạc hậu về nhận thức lý luận,nhận thức cách quy luật đang hoạt động trong thời kì quá độ ,các quy luật của cách mạng nước ta.Chưa chú ý đầy đủ việc tổng kết kinh nghiệm của thực tiễn nước ta,học tập kinh nghiệm các nước anh em một cách máy móc.Khi tình hình sa sút ,khủng hoảng kinh tế xã hội đã diễn ra,lại không kiên quyết trong việc đổi mới cơ chế quản lý,chậm trễ trong việc ban hành các chủ trương ,chính sách mới hoặc có những chủ trương chính sách mới nhưng không thi hành đến nơi đến chốn,lo ngại những tìm tòi thử nghiệm mới không đúng với CNXH ,sợ xét lại chủ nghĩa Mác-LêNil,sợ chênh sang con đường TBCn.

Hai loại tư tưởng đó cùng tồn tại trong thực tế.Như báo cáo chính trị đã chỉ rõ “đó là tư tưởng tiêu tư sản,vừa tả khuynh vừa hữu khuynh”.

-Về tổ chức đã để cho bộ máy của Đảng và nhà nước và của Đoàn thể quần chúng phình to,chức năng nhiệm vụ phân tán,chồng chéo,cách làm việc quan liêu ngày càng phổ biến,làm cho bộ máy hoạt động kém hiệu quả,kém hiệu lực.

-Về cán bộ,đã kéo dài tình trạng trì trệ trong công tác cán bộ,từ việc quy hoạch,đào tạo bồi dưỡng,đánh giá lựa chọn,bố trí quản lý,quản lý thay đổi đều

mang nặng những quan niệm cũ kĩ, lạc hậu, không đáp ứng nhu cầu của nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Nhìn một cách tổng quát những sai lầm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo các Đảng trước hết thuộc về trách nhiệm của ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư, Hội đồng bộ trưởng... Ban chấp hành trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước đại hội”.

c. Đại hội còn nêu ra những bài học kinh nghiệm lớn:

+Một là trong toàn bộ hoạt động của mình Đảng phải quán triệt tư tưởng”lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

+Hai là Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

+Ba là phải kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

+Bốn là phải chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu phát triển của giai đoạn lịch sử mới.

Những bài học kinh nghiệm trên là sự tổng kết kinh nghiệm quá trình xây dựng XHCN của nhân dân ta qua mấy chục năm qua và là những định hướng rất cơ bản mang tính quy luật cho đất nước ta xây dựng XHCN trong giai đoạn tiếp.

d. Đại hội đã thông qua đường lối đổi mới:

+Đại hội chủ trương đổi mới một cách toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hoá, đối ngoại nhưng chủ yếu là kinh tế, tập trung đổi mới kinh tế trên cơ sở đó mà từng bước đổi mới về chính trị và các lĩnh vực khác

+Đại hội đã xác định Đảng ta cần xúc tiến xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng XHCN trong thời kì quá độ.

+Đại hội nêu rõ về thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta, đó là một thời kì lâu dài và rất khó khăn, bao gồm nhiều chặng đường, một thời kì cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện và triệt để. Chúng ta phải xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Phải từ bỏ quan niệm giản đơn, tư tưởng chủ quan nóng vội, muốn đốt cháy giai đoạn nhưng đã phải trước đây.

-Về nhiệm vụ xây dựng CNXH :Đại hội quyết định phải đi tiếp chặng đường đầu tiên và xác định “nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế-xã hội, tiếp tục

xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh CNHXXHCN trong chặng đường tiếp theo”.

-Từ nhiệm vụ bao trùm và mục tiêu tổng quát đã nêu trên ,đại hội xác định 5 mục tiêu cụ thể về kinh tế- xã hội:

+Sản xuất đủ tiêu dùng,và có tích lũy .

+Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất.

+Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

+Tạo ra chuyển biến tốt về mọi mặt xã hội.

+ Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh để thực hiện mục tiêu nói trên đại hội đã đề ra một hệ thống các giải pháp: Về bố trí cơ cấu sản xuất , cơ cấu đầu tư ,về xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN mới,sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế ,đổi mới cơ chế quản lý kinh tế,tăng cường củng cố an ninh quốc phòng ,tăng cường lĩnh vực đối ngoại...

-Trong hệ thống các giải pháp đại hội nhấn mạnh phải tập trung sức người sức của vào thực hiện 3 chương trình mục tiêu :

+Chương trình lương thực thực phẩm.

+Chương trình hàng tiêu dùng.

+Chương trình hàng xuất khẩu.

Ba chương trình mục tiêu đó chính là sự cụ thể hoá nội dung cơ bản của CNHXXHCN trong chặng đường đầu tiên của thời kì quá độ ở nước ta.

-Tương tử chỉ đạo cốt lõi của đại hội 6 là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có,khai thác mọi tiềm năng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế để phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố QHSX XHCN,Đảng ,nhà nước tạo điều kiện ,cơ chế cho nhân dân làm không làm thay nhân dân.

-Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 của Đảng đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư.Các đồng chí Trường Chinh,Phạm Văn Đồng,Lê Đức Thọ được giao trách nhiệm làm cố vấn cho ban chấp hành trung ương Đảng.

4. ý nghĩa của đại hội:

Đại hội 6 là đại hội mở đầu cho công cuộc đổi mới tạo ra bước ngoặt quan trọng trên con đường quá độ đi lên CNXH ở Việt Nam.

-Đường lối đổi mới của đại hội 6 đã thực sự đi vào cuộc sống ,trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển làm thay đổi bộ mặt của xã hội,mở đầu cho một giai đoạn phát triển mạnh mẽ của cách mạng Việt Nam.

-Sau đại hội 6 ,Đảng và nhà nước đã có nhiều chủ trương,chính sách nhằm cụ thể hoá đường lối đổi mới,đưa đường lối đổi mới đi vào cuộc sống .

-Đường lối đổi mới của Đảng đã đáp ứng được yêu cầu nguyện vọng của toàn Đảng,toàn dân ta đồng thời phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới.

-Đường mới đổi mới của Đảng thể hiện tinh thần độc lập ,tự chủ,năng động,sáng tạo và bản lĩnh chính trị của Đảng.

II Đường lối đổi mới

1 Nhiệm vụ,mục tiêu.

1.1:Nhiệm vụ:

-Đại hội xác định :”nhiệm vụ bao trùm ,mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế-xã hội tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho đẩy mạnh CNH HĐH ở chặng đường tiếp theo”.

-Ổn định tình hình kinh tế xã hội là ổn định cả về sản xuất và lưu thông,ổn định đời sống vật chất và văn hoá,tăng cường hiệu lực quản lý của nhà nước,lập lại trật tự kỉ cương,ổn định và phát triển luôn gắn liền với nhau.

1.2:Mục tiêu:

Trên cơ sở nhiệm vụ bao trùm mục tiêu tổng quát đại hội nêu lên 5 mục tiêu kinh tế xã hội cơ bản sau :

-Sản xuất đủ tiêu dùng,có tích lũy :trước mắt là đáp ứng nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội,dần ổn định ,tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân:đảm bảo ăn no,mặc ấm,đáp ứng tốt hơn các nhu cầu: nhà ở ,bảo vệ sức khoẻ,đi lại ,học hành.

Yêu cầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế để đủ sức tiếp nhận và đưa vào tái sản xuất mở rộng vay vốn và viện trợ của nước ngoài.

-Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất.Tính hợp lý của cơ cấu kinh tế trước hết là cơ cấu ngành kinh tế phải phù hợp với quy luật về sự phát triển của các ngành sản xuất vật chất,phù hợp khả năng của đất nước ,sự phân công lao động và hợp tác quốc tế.Có cơ cấu kinh tế ấy phải đảm bảo cho nền kinh tế phát triển cân đối với nhịp độ tăng trưởng ổn định.Cơ cấu kinh tế ấy

phải hướng vào việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn : lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

-Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong suốt thời kì quá độ cần cải tạo quan hệ sản xuất cũ , xây dựng quan hệ sản xuất mới. Phải củng cố các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, làm cho các thành phần kinh tế XHCN giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân , thể hiện được tính ưu việt về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, thu nhập của người lao động và tích lũy cho sự nghiệp CNH. Hình thành đồng bộ hệ thống mới về quản lý kinh tế.

-Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội. Có nhiều vấn đề cần phải giải quyết, đầu tiên là phải giải quyết một phần quá trình việc làm cho người lao động và đảm bảo về cơ bản phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp điều kiện cụ thể nước ta. Thực hiện nguyên tắc mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

-Đảm bảo nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh. Quốc phòng an ninh được xây dựng và củng cố ngày càng vững mạnh đảm bảo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế. Củng cố thể trận bảo vệ tổ quốc cả về quốc phòng và an ninh.

Đại hội lần VI của Đảng không ấn định thời gian cụ thể khi nào kết thúc chặng đường đầu tiên. Đại hội cho rằng :”Cái mốc đánh dấu chặng đường đầu tiên, kết thúc là đạt được 5 mục tiêu nói trên. Độ dài của chặng đường đầu tiên tùy thuộc một phần quan trọng vào việc vận dụng những bài học đã rút ra từ thực tiễn 10 năm qua, để đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới”.

2.Những giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu :

2.1 Đổi mới cơ cấu kinh tế

a: Về cơ cấu ngành kinh tế:

-Tập trung vào chặng đường đại hội VI khẳng định lại quan điểm nhà nước là mặt trận hàng đầu, phải thật sự tập trung sức người sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

-Không ngừng phát triển công nghiệp nặng một cách tràn lan, đầu tư rất lớn nhưng hiệu quả lại bị hạn chế. Xây dựng công nghiệp nặng phải được lựa

chọn,tính toán chặt chẽ,làm thế nào cho vừa sức lại có hiệu quả,trước hết nhằm phục vụ trực tiếp cho nhà nước và công nghiệp nhẹ.

điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản nhằm tập trung vào việc thực hiện ba chương trình mục tiêu.Uưu tiên đầu tư đồng bộ và đầu tư chiều sâu cho các cơ sở hiện có.Hạn chế việc xây dựng thêm các chương trình mới,nếu cần thiết thì chỉ làm quy mô nhỏ và vừa là chính.

-Ngành kinh tế mới là ngành dịch vụ cũng được đặt ra chú ý phát triển ngày càng rộng rãi.

b:Về cơ cấu thành phần kinh tế và cải tạo XHCN

Vận dụng quan điểm của LÊNIN về chính sách kinh tế mới và xuất phát thực tiễn 10 năm tìm tòi,thử nghiệm ở nước ta. Đảng xác định nền kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần.Các thành phần đó là:

-Kinh tế XHCN:bao gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể,cùng với bộ phận kinh tế giai đoạn gắn liền với thành phần đó.

-Các thành phần kinh tế khác:kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá(thợ thủ công nông dân cá thể,những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể);kinh tế tư bản tư nhân,kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức,mà hình thức cao là công ty hợp doanh,kinh tế tự nhiên,tự cấp,tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở trung nguyên và các vùng núi khác.

Nói gọn lại thì nền kinh tế của nước ta trong thời kỳ quá độ gồm 6 thành phần:

- | | |
|----------------------|----------------------------------|
| 1.Kinh tế quốc doanh | 4.Kinh tế tư bản tư nhân |
| 2.Kinh tế tập thể | 5.Kinh tế tư bản nhà nước |
| 3.Kinh tế cá thể | 6.Kinh tế tự nhiên,tự cấp,tự túc |

Ngoài ra có bộ phận kinh tế gia đình không thành một thành phần kinh tế riêng.Bộ phận này gắn với kinh tế quốc doanh hoặc kinh tế tập thể(gia đình công nhân,gia đình viên chức gia đình xã viên).Trong thành phần kinh tế ấy,kinh tế XHCN với khu vực quốc doanh làm nòng cốt phải dành vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân.Kinh tế kinh tế quốc doanh phải thực sự giữ vai trò chủ đạo,chi phối các thành phần kinh tế khác.

Vấn đề cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế cá thể và tư bản tư nhân,trước đây quan niệm chỉ làm một,một thời gian ngắn vài ba năm bây giờ phải coi đó là nhiệm vụ của cả thời kỳ quá độ,đây là quan điểm mới khác hẳn trước Bộ chính trị chỉ rõ:

“Mười năm qua, hai kỳ đại hội đảng đều ghi vào nghị quyết nhiệm vụ căn bản hình thành cải tạo XHCN trong nhiệm kỳ đại hội đó, song đều chưa thực hiện được cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không được nóng vội làm trai quy luật. Nay phải sửa lại cho đúng như sau”, “Đẩy mạnh cải tạo XHCN là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên XHCN với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất”.

Như vậy cải tạo XHCN không đơn thuần chỉ là thay đổi quan hệ sản xuất, xoá bỏ thật nhanh chóng thành phần kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá thể, mà còn là sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế nhằm không ngừng phát triển lực lượng sản xuất, phục vụ những yêu cầu của xã hội chủ nghĩa. Cải tạo và sử dụng là hai mặt gắn bó chặt chẽ với nhau.

Sử dụng để cải tạo, để sử dụng tốt. Vì vậy đảng chủ trương đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc dân, kinh tế tập thể cần có chính sách và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác việc xây dựng quan hệ sản xuất mới diễn ra cùng với việc cải tạo XHCN. Trước kia chúng ta quan niệm chỉ cần công hữu hoá liệu sản xuất là đã có quan hệ sản xuất mới XHCN, mà chưa thấy muốn có quan hệ sản xuất mới, thì ngoài chế độ sinh hoạt là nền tảng còn phải xây dựng chế độ quản lý, chế độ phân phối XHCN. Quan hệ sản xuất mới chỉ có thể được hoàn thành và phát triển bằng sự kết hợp đồng bộ cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối thể hiện được bản chất của CNXH. Nếu chế độ quản lý, chế độ phân phối không phù hợp nhưng thực tế đã chỉ rõ, quan hệ sản xuất mới không thể phát huy được ưu việt của nó, hơn nữa còn kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, sản xuất rơi vào tình trạng trì trệ, đình đốn, gây mất ổn định xã hội.

Xây dựng quan hệ sản xuất như cải tạo XHCN đều cần những hình thức trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ đến lớn. Đây là hai mục được triển khai thực hiện trong một quá trình và nhằm mục tiêu trung là thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

2.2: đổi mới cơ chế quản lý kinh tế:

Cũng là cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp đã được điều chỉnh sửa đổi thời kỳ tìm tòi, thử nghiệm và đã đi đến quyết tâm phải xoá bỏ tập trung quan liêu bao cấp. Đại hội VI quyết định thay đổi cơ chế quản lý kinh tế quản lý cũ bằng cơ chế mới với tên gọi: Cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh XHCN, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

a: Tính kế hoạch.

cần được coi là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế mới nhưng nội dung kế hoạch hoá đã được nhận thức hoàn toàn mới trong cơ chế quản lý kinh tế cũ, hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chỉ tét được xây dựng từ trên, do trên giao xuống dưới với tính chất là mệnh lệnh phải thi hành. ở đây chỉ có tập trung chứ không có dân chủ. Các cơ quan quản lý hành chính kinh tế can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị cơ sở nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về các quyết định của mình. Các đơn vị kinh tế vừa không có quyền tự chủ, vừa không bị ràng buộc trách nhiệm với kết quả sản xuất, kinh doanh.

Cách thức về kế hoạch hoá đó đã dẫn đến chế độ cấp phát và giao nộp xin và cho theo quan hệ hiện vật là chủ yếu, kế hoạch hoàn thành nhưng hiệu quả kinh tế ngày càng thấp, vấn đề hạch toán kinh tế hạch toán kinh tế tuy có được đặt ra nhưng chỉ là hình thức tình trạng lổ thọt, lãi giả kéo dài và ngày càng nặng nề.

Cơ chế đó đẻ ra một bộ máy quản lý cồng kềnh với những cán bộ quản lý kém năng lực, không thạo kinh doanh, phương cách quản lý quan liêu cửa quyền, cơ chế đó đã làm cho nền kinh tế trở thành nền kinh tế thiếu hụt và nảy sinh không biết bao nhiêu tệ nạn trong hoạt động kinh tế.

Trong cơ chế quản lý kinh tế mới vận động kế hoạch hoá phải được đổi mới một cách căn bản. việc xây dựng kế hoạch phải được tiến hành từ cuộc sống và tổng hợp từ dưới lên với sự hướng dẫn, điều hoà, cân đối của trung ương. Việc giao kế hoạch pháp lệnh chỉ hạn chế trong một số chỉ tiêu thật cần thiết, nhằm đảm bảo những cân đối căn bản, còn nói trắng là những chỉ tiêu định hướng. Các cơ quan trung ương có chức năng quản lý hành chính kinh tế phải giải thoát bớt công việc sự việc để tập trung nhiều hơn vào việc nghiên cứu chiến lược vĩ mô, xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn, bảo đảm các quan hệ cân đối tập hợp trong nền kinh tế, xây dựng chính sách pháp luật kinh tế chất lượng kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân phụ thuộc lớn vận động này.

b. Đặc trưng thứ hai của cơ chế quản lý kinh tế mới sử dụng quan hệ hàng hoá tiền tệ.

Đặc trưng này đòi hỏi phải gắn sản xuất trực tiếp, mọi hoạt động kinh tế phải gắn năng suất chi phí với hiệu quả, các chính sách sản xuất kinh doanh phải có lãi tái sản xuất mở rộng đây là hạch toán kinh doanh XHCN.

Sản xuất kinh doanh không có lãi, tái sản xuất giản đơn đã không được, còn không thể tái sản xuất mở rộng nền kinh tế không thoát khỏi suy sụp

Thực ra trong bộ chính trị của ban chấp hành trung ương trình bày trước đại hội VI không chỉ đề cập : quan hệ hàng hoá tiền tệ khi xem xét cơ chế quản lý kinh tế mới đã đề cập đến các quy luật của sản xuất hàng hoá của nền kinh tế hàng hoá .

1985 trong thời kì tìm tòi , nghiên cứu thử nghiệm vận động sản xuất hàng hoá trực tiếp đã được hội nghị trung ương lần VIII thực thi đến đại hội VI , đảng ta chính thức nêu rõ:“ quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn ở nước ta là quá trình công nghiệp hoá nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp , tự túc thành nền kinh tế sản xuất hàng hoá với những đặc điểm thời kì quá độ

Trước ta coi kinh tế hàng hoá là là kinh tế TBCN , luôn coi là sản phẩm chung của nhân loại chứ không phải riêng của CNTB .Quá độ lên CNXH không thể bỏ qua kinh tế hàng hoá , phải sử dụng kinh tế hàng hoá để phục vụ mục tiêu của CNXH .

Việc thừa nhận phải xây dựng nền kinh tế nước ta thành một nền kinh tế hàng hoá , một nền kinh tế sản xuất hàng hoá là một sự đổi mới rất cơ bản trong tư duy kinh tế của đảng .Đây cũng là điểm xuất phát cho sự đổi mới và phát triển tư duy kinh tế của ta trong những năm tiếp để nó có thể phản ánh những quy luật khách quan của nó .

Xây dựng cơ chế kinh tế mới như văn kiện đại hội VI đã chỉ rõ phải vận dụng tổng hợp hệ thống quản lý đúng thời điểm lên nền kinh tế.

Trước kia đã nói đến vấn đề hạch toán kinh tế ,kinh doanh XHCN nhưng hạch toán kinh doanh vẫn là hình thức vì ta chưa dứt khoát thừa nhận kinh tế hàng hoá để vận dụng các quy luật kinh tế của hàng hoá trong hạch toán kinh doanh.

Trước kia XHCN chỉ thực hiện được bằng chính sách một giá , đó là giá kinh doanh thương nghiệp việc áp dụng chính sách hai giá chỉ được đặt ra đối với một số ít mặt hàng thiết yếu nào đó và chỉ là tạm thời chỉ ở những nơi những lúc nhất định sử dụng tem phiếu.

Kinh tế hàng hoá tập trung thống nhất trong cả nước phải xoá bỏ tính trạng chia cắt theo lãnh thổ theo địa giới hành chính phải có dân số phát triển mở rộng giao lưu hàng hoá .

Nền kinh tế phải được quản lý bằng các biện pháp kinh tế chủ yếu .Mọi biện pháp kinh tế đều nhằm kết hợp hài hoà lợi ích toàn xã hội ,lợi ích tập thể những người lao động và lợi ích riêng của bản thân người lao động .Kết hợp đúng đắn ba loại lợi ích này động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển

Cơ chế quy luật kinh tế mới đòi hỏi phải sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế .ổn định thị trường giá cả

Phải có những chính sách phù hợp về tài chính tiền tệ ,ngân hàng ,thuế lương ,tiết kiệm nhằm kích thích mọi năng lực sản xuất , huy động được nhiều nguồn vốn trong nước và nước ngoài đưa vào sản xuất kinh doanh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và không ngừng cải thiện đời sống người lao động .

Đại hội chủ trương mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại các nước anh em và các nước khác .Cần có chính sách khuyến khích người nước ngoài đầu tư vào nước ta bằng nhiều hình thức.Cần có chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài , việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh chú trọng về một nền kinh tế mở đã được đặt ra .

c. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong cơ chế quản lý kinh doanh mới được thể hiện .

Phải phân cấp quản lý để đảm bảo quyền làm chủ của ba cấp :

+Quền quyết định của trung ương những lĩnh vực then chốt,những vấn đề có ý nghĩa chiến lược,đảm bảo sự phát triển cân đối của toàn bộ nền kinh tế quốc dân .

+Quyền chủ động của địa phương trong việc quản lý thực hiện trách nhiệm quản lý kinh tế xã hội địa bàn lãnh thổ .

+ Quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị cơ sở và vai trò làm chủ của các tập thể lao động

ở mọi cấp trách nhiệm đi đôi với quyền hạn , nghĩa vụ lợi ích .

Cần phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính kinh tế của các cơ quan nhà nước ở trung ương địa phương chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

Các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương thực hiện chức năng quản lý hành chính kinh tế của mình bằng pháp luật ,bằng các chính sách kinh tế kiểm soát hoạt động của các đơn vị sản xuất kinh doanh thực hiện đúng theo pháp luật,chính sách quy định của nhà nước giúp các chính sách kinh tế hoạt động có hiệu quả trong trật tự,kỷ cương nghiêm chỉnh.Nếu cấp dưới phục tùng cấp trên thì cấp trên phải thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn đã được xác định phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình phải gương mẫu trong việc thực hiện các nghị quyết của đảng và pháp luật của nhà nước .

Xoá bỏ sự can thiệp của các cơ quan nhà nước đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở. Đồng thời nâng cao quyền và trách nhiệm tự chủ của các đơn vị này tự chủ về sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính, tự chủ trong việc lựa chọn các quyết định về sản xuất kinh doanh có lợi nhất theo phương hướng của kế hoạch nhà nước.

Nhìn một cách tổng quát, việc đổi mới tư duy kinh tế của đảng ta đến ĐH VI đã mở ra một bước ngoặt quan trọng.

ý nghĩa cách mạng sâu sắc của việc đổi mới ấy: nó đã phát triển những quan điểm kinh tế cơ bản nhất của mô hình CNXH cũ bằng những quan điểm kinh tế mới phản ánh đúng qui luật kết quả và thực tiễn quá độ lên CNXH ở nước ta.

2.3 Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Về nội dung chính của chính sách kinh tế đối ngoại, đại hội xác định, khâu quan trọng nhất là đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu. Trong đó các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp được xác định là những mặt hàng chủ lực cần được đầu tư đẩy mạnh sản xuất. Trong hoạt động nhập khẩu phải chú ý các mặt hàng phù hợp và phục vụ tốt cho việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Để thực hiện chủ trương đó phải đổi mới cơ chế quản lý, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu; đổi mới hoạt động của ngân hàng ngoại thương; có chính sách khuyến khích vượt kiều gửi tiền và vật tư về nước.

Đại hội nhấn mạnh: "Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại sẽ làm nảy sinh các vấn đề phức tạp, cần có biện pháp hạn chế và ngăn ngừa nhưng hiện tượng tiêu cực, xong không vì thế mà đóng cửa lại". Vì vậy cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất, năng lực kinh doanh cho đội ngũ làm kinh tế đối ngoại, kể cả những cán bộ làm công tác này và những cán bộ ở những cơ sở sản xuất, kinh doanh có quan hệ giao dịch với nước ngoài.

2.4 Đổi mới chính sách xã hội.

Đại hội cho rằng: "Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hoá, quan hệ gia đình, giai cấp, dân tộc... cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội". Mục đích của chính sách xã hội là phục vụ con người, nhằm phát huy yếu tố con người tạo động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế và các lĩnh vực khác.

Cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được những nhiệm vụ mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong những chặng đường đầu tiên. Từ quan

điểm trên đại hội xác định trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên cần tập trung giải quyết tốt những vấn đề cơ bản sau:

- Chính sách về dân số giải quyết việc làm cho người lao động.
- Thực hiện công bằng xã hội lối sống có văn hoá.
- Bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự kỉ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hoá tăng cường sức khoẻ của nhân dân.
- Triển khai xây dựng chính sách bảo hộ xã hội, thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc.

Trên đây cũng chính là mục tiêu của phát triển kinh tế.

2.5 Đổi mới chính sách đối ngoại

-Đại hội xác định mục tiêu hàng đầu của chính sách đối ngoại là hoà bình và phát triển. Nghị quyết đại hội chỉ rõ :”Trong những năm tới, nhiệm vụ của Đảng và nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Nam á và trên thế giới... tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc...”.

-Để thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ nêu trên, đại hội xác định sáu chính sách lớn bao gồm:

- +Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô.
- +Phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương.
- +Tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước XHCN khác.
- +Ủng hộ một cách nhất quán và triệt để phong trào đấu tranh giải phóng và độc lập dân tộc.
- +Ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân ở các nước TBCN.
- +Tích cực góp phần vào việc tăng cường đoàn kết, hợp tác trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

2.6. Đổi mới cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ.

-Đảng xác định phải xây dựng và ngày càng hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo , nhân dân làm chủ, nhà nước quản lí thành cơ chế quản lí chung trong quản lí toàn xã hội.

+Cơ chế này được đưa ra từ những năm 1970 theo trật tự : Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ. Bên cạnh những điều đã làm được,tồn đọng nhiều vấn đề về mối quan hệ Đảng-Nhà nước, Đảng Nhà nước-nhân dân.

Đảng lãnh đạo,nhà nước quản lí thực chất là để nhân dân làm chủ-làm chủ đất nước,làm chủ bản thân mình.

+Đại hội lần này nêu bật một luận điểm mới: “dân biết, dân làm, dân kiểm tra, đó là nền nếp hàng ngày của xã hội mới, thực hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lí Nhà nước của mình.

-Đại hội chủ trương phải thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước,thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lãnh đạo ở tất cả các cấp .

Cuộc cải cách về tổ chức bộ máy nhà nước gồm nhiều nội dung:

+Phân biệt chức năng quản lý hành chính kinh tế,hành chính-xã hội của các cơ quan nhà nước-chức năng quản lý sản xuất-kinh doanh các đơn vị sản xuất kinh doanh.

+Lựa chọn ,bầu cử đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp không gò ép không hình thức xây dựng bộ máy gọn nhẹ.Các tổ chức trong bộ máy không chồng chéo về chức năng nhiệm vụ giảm bớt các tổ chức trung gian,thực hiện bãi miễn đối với các cán bộ vô trách nhiệm,thiếu năng lực,đặc biệt vấn đề xây dựng hệ thống pháp luật để quản lý đất nước bằng pháp luật,đi đôi với việc giải quyết cán bộ và nhân dân nghiêm chỉnh thi hành pháp luật đã được đại hội nhấn mạnh.

+Trong hệ thống quản lý xã hội,đại hội đặc biệt nhấn mạnh đến việcđổi mới Đảng.Đảng phải đổi mới trên cả ba lĩnh vực:Đổi mới tư duy,đổi mới cán bộ,đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách làm việc trong đó đổi mới tư duy được đặt lên hàng đầu.

Đảng ta coi đổi mới tư duy là “việc cấp bách đồng thời là việc thường xuyên lâu dài”và các văn kiện của đại hội lần VI mới chỉ là thể hiện bước đầu có ý nghĩa rất quan trọng cho sự tiếp tục về sau này.Khi công cuộc đổi mới được triển khai thì việc tiếp tục đổi mới tư duy cũng được đẩy mạnh.Thực tiễn đổi mới về kinh tế,chính trị,xã hội vừa là kết quả của đổi mới tư duy,lại vừa đặt ra những yêu cầu mới cho việc tiếp tục đổi mới tư duy của Đảng.

Việc đổi mới đội ngũ cán bộ cũng đã được đặt ra bằng nhiều quan niệm mới.

Đại hội cũng phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân,đầu óc địa vị tư lợi,quan niệm đẳng cấp,tôn ti theo kiểu phong kiến trong công tác cán bộ ...

không loại trừ được những yếu tố ngẫu nhiên may rủi và những động cơ không lành mạnh trong công tác cán bộ.

Các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ có vai trò quan trọng trong việc đổi mới cán bộ, do đó trước hết phải đổi mới đội ngũ những người làm công tác tổ chức cán bộ, cần phải dân chủ hoá công tác cán bộ bằng những quy chế quy định trong công tác cán bộ mới, làm cho công tác cán bộ đi vào nề nếp. Đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách làm việc được coi là bộ phận thứ 3 của việc đổi mới hoạt động của Đảng. Trong lĩnh vực này đòi hỏi nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ tự phê bình và phê bình, đi sâu, đi sát thực tế, kiểm tra....

Đại hội cũng chủ trương tiến hành làm trong sạch Đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Chứng tỏ Đảng ta đã thấy rõ tình hình, nhất là sự tha hoá của con người đang cản trở sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kì mới.

III. Đảng lãnh đạo tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách đưa đất nước qua những khó khăn giành thắng lợi bước đầu (1986-1991).

1. Tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trên lĩnh vực phân phối lưu thông.

-Một trong những khâu yếu nhất và tồn tại dai dẳng trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế ở nước ta là việc giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông. Những sai lầm khuyết điểm trong lĩnh vực này đã gây tác hại lớn cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt xã hội.

Nguyên nhân là do việc duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp vi phạm quy luật khách quan trong quản lý kinh tế.

Và sau đại hội 6 phải qua bốn hội nghị nữa chúng ta mới tìm ra những giải pháp cơ bản để giải quyết vấn đề này:

-Hội nghị Trung Ương II(4-1987) đã ra chuyên đề giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông. Hội nghị đã đề ra 4 mục tiêu: giảm tỉ lệ bội chi ngân sách; giảm nhịp độ tăng giá; giảm tốc độ lạm phát; giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động.

Đến đại hội VI đã có những quyết định quan trọng để kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.

2. Đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp.

-Trước ta đã thực hiện cơ chế khoán 100 nó mang nhiều yếu tố hạn chế bất cập nhưng hiện nay cơ chế này càng bộc lộ những hạn chế của nó và ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất.Sản xuất nông nghiệp rơi vào tình trạng trì trệ,nạn đói hoành hành.Trước hoàn cảnh đó ngay 5/4/1988 bộ chính trị đã họp và ra nghị quyết về “ đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” thực hiện chế độ khoán mới là khoán 10.

Điểm mới của chính sách khoán 10 là :

+Kinh tế hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ,hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự quản theo nguyên tắc hoạch toán kinh doanh,tự xây dựng quy mô hình thức phương hướng sản xuất.

+Thời gian khoán tuồng đất là 15 năm, mức khoán ổn định trong 5năm,người nhận khoán được hưởng 40% sản lượng trở lên.

+Nhà nước thừa nhận sự tồn tại lâu dài của kinh tế cá thể,tư nhân trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội.

-Khoán 10 đã thể hiện tính ưu việt của nó,người dân đã thực sự làm chủ sản xuất kinh doanh trên ruộng đất khoán trong thời gian dài với mức khoán ổn định.Nó đã khắc phục được những nhược điểm căn bản của chính sách khoán 100.

-Hội nghị Trung Ương VI(3/1989) đã nêu ra ba quan điểm và phương hướng lớn để chỉ đạo kinh tế nông nghiệp.

Điểm nổi bật của chính sách khoán 10 có tính chất bước ngoặt lần đầu tiên hộ gia đình xã viên được coi là đơn vị kinh tế tự chủ về tất cả các khâu trong sản xuất nông nghiệp,làm giàu của người lao động bằng lao động của bản thân và gia đình được khuyến khích.

3.Đẩy mạnh thực hiện đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại từng bước phá thế bị bao vây cấm vận.

-Thực hiện chủ trương của đại hội 6 từ 1987-1990 Đảng và nhà nước ta đã tích cực triển khai đồng thời nhiều biện pháp để phát triển kinh tế đối ngoại từng bước phá thế bị bao vây.

-Bên cạnh đó Đảng và nhà nước đã tích cực mở rộng đầu tư,gia tăng đối tác bằng cách điều chỉnh hàng loạt các chính sách :

+Trên lĩnh vực kinh tế:xoá bỏ bao cấp về giá,thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần.Coi đó là chiến lược lâu dài.

+Trên lĩnh vực đối ngoại:theo nghị quyết 13 của bộ chính trị(5/1988)về nhiệm vụ của chính sách đối ngoại trong tình hình mới đề ra chủ trương thêm bạn bớt thù và chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đấu đầu sang hợp tác cùng tồn tại hoà bình.

-Hội nghị trung ương VII khoá 6 đã khẳng định :”Sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế với tất cả các nước,các công ty nước ngoài hai bên cùng có lợi và không có điều kiện chính trị ràng buộc nhưng phải chủ động phòng ngừa,tránh lệ thuộc,hạn chế đến mức thấp nhất cái giá phải trả.”

4.Giữ vững sự ổn định chính trị trước những biến động phức tạp của thời cuộc.

-Đại hội VI của Đảng năm 1986 mới chỉ coi đổi mới mang ý nghĩa cách mạng sâu sắc thì từ sau các hội nghị trung ương TW6,TW7,TW8.Trong những năm sau xuất phát từ những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới đã cho thấy đổi mới là cuộc cách mạng sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.Vì vậy đổi mới hệ thống chính trị là một yêu cầu đặt ra bên cạnh việc đổi mới kinh tế.

-Đổi mới hệ thống chính trị là một yêu cầu đặt ra bên cạnh đổi mới kinh tế,đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị,phát huy dân chủ trước mắt trong những năm tới cần giải quyết những vấn đề quan trọng sau:

+Xây dựng và hoàn chỉnh từng bước hệ thống chính sách pháp luật của nhà nước,tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

+Mở rộng dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội,phát huy quyền làm chủ của tập thể nhân dân.

+Nhận rõ chức năng nhiệm vụ trên cơ sở đó đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

Nhìn lại lịch sử sau hơn bốn năm đổi mới,mặc dù đó là khoảng thời gian cách mạng Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách,song trên cơ sở của những định hướng chiến lược đã được đề ra từ đại hội VI Đảng ta đã chọn và tập trung chỉ đạo và giải quyết thành công nhiều vấn đề :Việc sử lý vấn đề giá cả ,chống lạm phát ,đổi mới cơ chế quản lý trong nhà nước;Chuyển hướng hoạt động đối ngoại và chính sách kinh tế đối ngoại;đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Nhờ đó ta đã đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng,đặc biệt trên lĩnh vực sản xuất lương thực.Điều đó chứng tỏ đường lối đổi mới do đại hội VI đề ra là đúng đắn ,bước đi cách làm cơ bản là phù hợp.

C. Những thành tựu và hạn chế của 5 năm đổi mới

1.Những thành tựu :

Đường lối đổi mới đất nước đi lên CNXH do đại hội toàn quốc lần thứ VI của đảng đề ra đã thật sự đi vào cuộc sống và đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng .

1.1 Kinh tế xã hội :

- Về lương thực thực phẩm:

Từ chỗ thiếu ăn triền miên (1988, nước ta phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo), 1990 chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quá trình ổn định đời sống nhân dân và cân đối cán cân xuất nhập khẩu. Đó là kết quả tổng hợp của việc phát triển sản xuất, thực hiện chính sách khoán trong nhà nước, xoá bỏ chế độ bao cấp, tự do lưu thông và điều hoà cung cầu lương thực, thực phẩm trên phạm vi cả nước, sản lượng lương thực 1988 đạt 19,50 triệu tấn (vượt năm 1957 hơn 2 triệu tấn) và 1989 đạt 21,4 triệu tấn .

-Hàng hoá trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch vẫn phát triển hơn trước và tiến bộ về mẫu mã . Các cơ sở sản xuất gắn chặt với nhu cầu thị trường , phần bao cấp của nhà nước về vốn, giá vật tư tiền lương... giảm đáng kể. Đó là kết quả của chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới nhiều chính sách về sản xuất và lưu thông hàng hoá .

-Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội. Từ năm 1986- 1990, hàng hoá xuất khẩu phát triển gấp 3 lần (từ 439 triệu rúp và 384 triệu đô la lên 1019 triệu rúp và 1170 đô la).

Từ năm 1989, sản xuất của ta phát triển thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo , dầu thô và một số mặt hàng mới khác. Năm 1989 Việt Nam xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo, nhập khẩu giảm đáng kể, tiến gần đến mức cân bằng giữa xuất và nhập .

Nhờ kết quả của việc thực hiện các mục tiêu của ba chiến lược kinh tế gắn liền với những chuyển biến tích cực trong việc điều chỉnh và bố trí lại cơ cấu kinh tế . Nhà nước cho đổi mới và hoãn nhiều trường trình đã kí với nước ngoài và

một số ngành địa phương để tập trung vốn cho các công trình trọng điểm trực tiếp phục vụ 3 trường kinh tế hơn 60% vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, 75% - 80% vốn đầu tư của địa phương. Ngoài ra phải đầu tư của nhân dân cũng rất lớn, đồng thời đã thu hút được một số vốn đầu tư của nước ngoài. Nhiều công trình công nghiệp nặng quá trình được khởi công từ những năm trước, nay được đưa vào sử dụng, một số ngành sản xuất mới có triển vọng tốt hoặc dầu khí được hình thành một số loại hình kinh tế dịch vụ mới ra đời và phát triển nhanh và góp phần đẩy mạnh kinh tế hàng hoá và phục vụ đời sống nhân dân.

-Thành tựu quan trọng nữa là đã bước đầu kiềm chế lạm phát. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng trên thực tế 1986 là 20%, 1987 là 10%, 1988 là 14%, 1989: 2,5%, 1990 là 4,4 %. Đây là kết quả tổng hợp của việc thực hiện 3 chương trình kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới chính sách giá và lãi xuất, mở rộng thông thương và điều hoà cung cầu hàng hoá. Điều có ý nghĩa là chúng ta đạt được kết quả này trong hoàn cảnh nguồn trợ giúp bên ngoài giảm so với trước, vừa chống lạm phát và thực hiện chuyển từ giá bao cấp sang giá kinh doanh nhờ kiềm chế được lạm phát, các chính sách kinh tế có điều kiện thuận lợi để hạch toán kinh doanh, đời sống nhân dân giảm bớt khó khăn.

-Thành tựu quan trọng khác về đổi mới kinh tế là bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận dụng theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Phát triển quan điểm kinh tế của đại hội VI hội nghị lần thứ VI (3-1989) của ban chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định việc phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Trong chính sách này được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đã đi nhanh vào cuộc sống, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế, khơi dậy nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản phẩm cho xã hội, tạo ra sự cạnh tranh, tạo ra sự sống động trên thị trường.

Ngoài những thành tựu về kinh tế, chúng ta còn đạt được nhiều thành tích và tiến bộ bước đầu trên các lĩnh vực khác.

1.2. Bộ máy và đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở các cơ quan Trung ương và địa phương được sắp xếp lại 19/4/1987, cuộc bầu cử quốc hội khoá VIII đã diễn ra dân chủ lớn hơn so với các kì bầu cử trước. Nhân dân đã lựa chọn bầu được 496 đại biểu. Từ 17-22/6/1987 quốc hội khoá VIII họp kì thứ nhất đã bầu Võ Chí Công làm chủ tịch hội đồng nhà nước, Lê Quang Đạo làm chủ tịch quốc hội, Phạm Hùng làm chủ tịch hội đồng bộ trưởng, bầu tránh án toà án nhân dân tối cao và viện trưởng viện kiểm soát nhân dân tối cao.

Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy. Nông dân và phương thức hoạt động của cách thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, phát triển cùng quyền lực của các cơ quan dân cử, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp được đề cao, bước đầu chỉnh đốn Đảng đi đôi với đổi mới sự lao động của đảng đối với nhà nước và xã hội.

1.3. Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được đảm bảo từng bước phá thế bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế tạo ra môi trường thuận lợi lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những thành tựu, ưu điểm, tiến bộ nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới bước đầu là phù hợp.

2. Những hạn chế, yếu kém:

Công cuộc đổi mới về thực chất là một cuộc cách mạng, có thành tựu, ưu điểm, tiến bộ nhưng đồng thời cũng có nhiều khiếm khuyết, hạn chế, yếu kém. Đó là đất nước ta vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế xã hội nóng bỏng vẫn chưa được giải quyết.

-Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao lao động còn thiếu việc làm hiệu quả kinh tế thấp, nhiều cơ sở sản xuất bị đình đốn kéo dài, chưa có tích lũy nội bộ nền kinh tế.

-Chế độ tiền lương bất hợp lý đời sống chủ yếu của nhiều người bằng tiền lương(hoặc trợ cấp xã hội)và của một bộ phận nhân dân bị giảm sút.Tốc độ phát triển dân số còn cao.

-Sự nghiệp văn hoá còn những mặt tiếp tục xuống thấp.Tình trạng tham nhũng,ăn hối lộ,mất dân chủ,bất công xã hội,vi phạm pháp luật,ki cương và nhiều hiện tượng tiêu cực khác còn nặng nề và phổ biến .

III.Những bài học kinh nghiệm:

Từ thực tiễn của những năm thực hiện đường lối đổi mới,có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng:

-Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới,kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược,nhạy cảm nắm bắt cái mới.Chúng ta phê phán những khuyết điểm sai lầm trong quá trình xây dựng CNXH,nhưng không quan niệm những sai lệch đó là khuyết tật của bản thân chế độ,coi khuyết tật là tất cả mà phủ định thành tựu,từ đó giao động từ mục tiêu và con đường đi lên CNXH.Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những hình thức bước đi và biện pháp thích hợp.Điều kiện để công cuộc đổi mới giữ được định hướng XHCN và đi đến thành công là trong quá trình đổi mới,Đảng phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh,giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội.

-Đổi mới toàn diện đồng bộ và triệt để,nhưng phải có bước đi.Hình thức và cách làm phù hợp.Đổi mới là cuộc cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.Trên từng lĩnh vực,nội dung đổi mới cũng gồm nhiều mặt: từ đổi mới quan niệm đến đổi mới cơ chế,chính sách ,tổ chức,cán bộ,phong cách,lẽ lối làm việc.Đồng thời trong mỗi bước đi phải xác định đúng khâu then chốt để tập trung sức giải quyết, làm cơ sở cho việc đổi mới các khâu và lĩnh vực khác.Tập trung sức làm tốt vấn đề đổi mới kinh tế,đáp ứng nhưng đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống,việc làm và các nhu cầu xã hội khác,coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thắng lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị.Đồng thời với đổi mới kinh tế,Đảng ta từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị,phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế,văn hoá,xã hội,chính trị.

-Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của nhà nước về Kinh tế-Xã hội.Đổi mới về kinh tế,chuyển nền kinh tế mang nặng tính tự cấp tự túc với cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần,vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là hoàn toàn cần thiết để giải phóng và phát huy được các tiềm năng sản xuất trong xã hội.Xong bản thân nền kinh tế thị trường không phải là liều thuốc vạn năng,hơn nữa cùng với sự kích thích sản xuất phát triển,kinh tế thị trường cũng là môi trường thuận lợi để nảy sinh và phát triển nhiều loại tệ nạn xã hội.Để hạn chế và khắc phục những hậu quả tiêu cực ấy,giữ cho công cuộc đổi mới đúng hướng và phát huy bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý về kinh tế xã hội bằng luật pháp,kế hoạch,chính sách,thông tin,tuyên truyền giáo dục và các công cụ khác.

-Khẳng định việc tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị xã hội nói chung.Có như vậy mới thực sự đảm bảo được quyền làm chủ của nhân dân,động viên toàn dân hăng hái xây dựng CNXH.Chạy theo những đòi hỏi dân chủ cực đoan,thực hiện dân chủ mà không gắn liền với kỉ luật,kỷ cương hoặc không tính toán đầy đủ đến tình hình chính trị xã hội thì mọi ý kiến tốt đẹp về phát huy dân chủ không thể thực hiện thành công, ngược lại sẽ đưa đến những hậu quả làm tổn hại lợi ích của nhân dân.

-Trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới, kiên cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn thiện chủ trương lí luận về con đường CNXH ở nước ta.Mỗi chủ trương, chính sách, biện pháp Kinh tế-Xã hội dù là đúng đắn nhất thì trong quá trình thực hiện,bên cạnh mặt tích cực là chủ yếu cũng thường có những hệ quả tiêu cực nhất định những vấn đề mới nảy sinh nên phải dự kiến trướcvà theo dõi để chủ động ngăn ngừa, giải quyết.Tránh suy nghĩ giản đơn, một chiều, đến khi có vấn đề mới nảy sinh,

có mặt tiêu cực mới xuất hiện thì hoang mang. Không vì gặp khó khăn mà dao động và quay lại những cách làm sai lầm cũ.

Lời kết

Hơn 20 năm xây dựng CNXH theo đường lối đổi mới của Đảng, mặc dù còn không ít khó khăn hạn chế song nước ta đã giành được những thành tựu cơ bản. Đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng Kinh tế-Xã hội; kinh tế tăng trưởng nhanh, bước đầu xây dựng được nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và tạo ra những cơ sở quan trọng để đẩy mạnh CNH-HĐH; Tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ chỗ không có gì nay đã đạt khoảng 30%GDP. Từ tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng và lương thực, hàng năm thiếu đói phải nhập lương thực nay đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ 3 trên thế giới. Từ chỗ lạm phát có lúc lên tới ba con số nay cơ bản không còn lạm phát. Từ thế bị bao vây, cấm vận nay đã có quan hệ đối ngoại rộng mở với đại đa số các quốc gia, đã gia nhập ASEAN và đặc biệt là sự kiện Việt nam tham gia hội nhập APEC năm 2006 .

Trước sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu , trước những khủng hoảng kinh tế tài chính ở khu vực và thế giới , ta không bị cuốn theo và đã từng bước vượt qua khó khăn để đi lên. Đời sống vật chất tinh thần được cải thiện đáng kể .Khởi đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nhân-nông dân-trí thức do Đảng lãnh đạo ngày một tăng cường và củng cố. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao. Đảng và nhà nước ngày càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm quản lý và lãnh đạo.Những thành tựu to lớn trên chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, con đường đi lên

CNXH của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt nam.Đại hội Đảng lần VI đã đặt cơ sở quan trọng cho những thành tựu đã đạt được.Nó tạo ra thế và lực mới cho dân tộc ta tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Tài liệu tham khảo

1. ĐCSVN, Văn Kiện Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc Lần Thứ VI. NXB Sự Thật Hà Nội 1986.
2. Lê Mậu Hãn, Ngô Đăng Tri, Đảng Cộng Sản Việt Nam Qua Các Đại Hội Và Hội Nghị Trung Ương. NXB Chính Trị Quốc Gia Hà Nội 1998.
3. Mậu Hãn, Ngô Đăng Tri, Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam-Tập Bài Giảng. NXB Giáo Dục Hà Nội 2005.
4. Nguyễn Trọng Phúc, Tìm Hiểu Lịch Sử ĐCS Việt Nam Qua Các Đại Hội Và Hội Nghị Trung Ương 1930-2002. NXB Lao Động Hà Nội 2003.
5. Đảng Cộng Sản Việt Nam Với Công Cuộc Đổi Mới Đất Nước Và Hội Nhập Quốc Tế. NXB Quân Đội Nhân Dân 2006.
6. Đảng Cộng Sản Việt Nam Văn Kiện Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc Lần *thứ* VII. NXB Sự Thật Hà Nội 1991.
7. Đảng Cộng Sản Việt Nam Với Công Cuộc Đổi Mới Đất Nước. NXB Quân Đội Nhân Dân.